

Số: 04/TB-UBND

Văn Yên, ngày 15 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 xã Văn Yên

Căn cứ Luật đất đai năm 2014; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Thực hiện Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đại Từ.

Căn cứ Thông báo số 02/TB-UBND ngày 10/01/2025 của UBND huyện Đại Từ về việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2025 huyện Đại Từ;

Ủy ban nhân xã Văn Yên công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của xã Văn Yên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt trong Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Văn Yên địa chỉ xóm Giữa 1, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian niêm yết công khai trong năm 2025.

(Có Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên kèm theo)

Vậy UBND xã Văn Yên thông báo để toàn thể nhân dân nắm được.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- 15 xóm;
- Lưu: VT, ĐC.



Ngô Văn Thắng

Số: *3416* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *30* tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đại Từ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 938/TTr-STNMT ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đại Từ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đại Từ với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kế hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 584,80 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 là 516,42 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 là 480,96 ha.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 1,89 ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2025 là 188 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 584,80 ha. Trong đó:

- 149 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 563,54 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- 39 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 21,26 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)

6. Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ

- Điều chỉnh tên, diện tích đối với 05 công trình, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 và Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 và Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh tên, diện tích tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

7. Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đã quá 02 năm chưa thực hiện

Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đối với 24 công trình, dự án trên địa bàn huyện Đại Từ do đã quá 02 năm chưa thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

Anhd. T12/2024



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến

Phụ lục V

**Danh mục 149 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025
của huyện Đại Từ**

*(Kèm theo Quyết định số 3416 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*



STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		563,54	153,54	151,99	4,90		253,10
1	Tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện Đại Từ	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,43		0,20			0,23
2	Khu dân cư đô thị mới Đồng Khốc (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	4,50					4,50
3	Khu trung tâm thị trấn Quân Chu	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	12,70	3,00				9,70
4	Khu tái định cư Nam Sông Công (giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,41					0,41
5	Khu đô thị 1C	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1,41	0,77				0,64
6	Khu đô thị 1D	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1,98	1,27				0,71
7	Khu đô thị Cầu Thông	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,95	0,07				0,88
8	Khu đô thị Phố Chợ 2	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,78	0,34				0,44
9	Khu đô thị Hoàng Gia	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	10,00	7,72				2,28
10	Khu lẻ dân cư (khu lẻ đô thị TDP Cầu Thành 1, TDP Cầu Thành 2 (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,01					0,01
11	Khu dân cư Đồng Trùng (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,63					0,63
12	Khu dân cư số 1 A	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	4,61	1,20				3,41
13	Khu dân cư số 1 B	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,60	0,11				0,49
14	Khu tái định cư Đồi Tròn - Thuộc dự án đầu tư tổng thể bố trí ổn định dân cư vùng bán ngập hồ Núi Cốc tỉnh Thái Nguyên (để giao đất)	Xã Lục Ba, huyện Đại Từ	4,05					4,05
15	Tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện Đại Từ	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ	6,30	0,74	3,50			2,06
16	Tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện Đại Từ	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,54					0,54
17	Khu Tái định cư Cánh Đồng Bông	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ	0,52					0,52
18	Khu lẻ dân cư xóm 5, chăn nuôi (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,02					0,02

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
19	Điểm lẻ dân cư nông thôn xóm 6 (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,01					0,01
20	Khu lẻ dân cư xóm Đồng Cạn, Lò Gạch (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	0,02					0,02
21	Điểm dân cư nông thôn xóm Duyên	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	1,00	0,28				0,72
22	Khu dân cư nông thôn số 1	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,58	0,42				0,16
23	Điểm lẻ dân cư xóm Đạn 3 (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,03					0,03
24	Điểm dân cư nông thôn số 1	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ	7,70	6,57				1,13
25	Khu tái định cư xã Bình Thuận phục vụ các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Đại Từ (thuộc khu dân cư số 2 xã Bình Thuận huyện Đại Từ)	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ	5,00	4,84				0,16
26	Khu dân cư mới Hồ Thổ Hồng	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	9,39	0,26	4,01			5,13
27	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	54,94	5,60	31,66			17,68
28	Khu dân cư nông thôn mới xóm Bãi Bằng số 2	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	57,70	2,54	28,65			26,51
29	Khu tái định cư xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	7,38					7,38
30	Khu lẻ dân cư xóm Thái Sơn (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,02					0,02
31	Khu tái định cư xã Tân Thái (đôi Nam Vân- giải quyết tồn tại)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,02					0,02
32	Khu đô thị số 4 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	10,25	6,70	0,02			3,53
33	Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	9,21	6,76				2,45
34	Điểm dân cư nông thôn	Xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	1,69	0,56				1,13
35	Điểm lẻ dân cư nông thôn xóm Đại Quyết (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,01					0,01
36	Khu dân cư nông thôn số 1 (Đấu giá đất thương mại dịch vụ, đất ở, giao đất tái định cư)	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	1,58					1,58
37	Khu dân cư nông thôn số 1	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,20	0,10				0,10
38	Điểm dân cư nông thôn xóm Trung Na 2	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,72	0,31	0,01			0,39
39	Khu dân cư nông thôn số 3	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	11,84	10,53				1,31
40	Trụ sở UBND xã An Khánh (để giao đất)	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	0,13					0,13
41	Mở rộng Trụ sở UBND xã An Khánh	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	0,06	0,04				0,03

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
42	Trụ sở UBND xã Mỹ Yên (để giao đất)	Xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	0,21					0,21
43	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Mỹ Yên	Xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	0,11	0,11				
44	Trụ sở UBND xã Vạn Phú (UBND xã Ký Phú cũ) (để giao đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,80					0,80
45	Mở rộng Trụ sở UBND xã Văn Yên (Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã)	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,06					0,06
46	Trụ sở UBND xã Hoàng Nông (giao đất)	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,90					0,90
47	Mở rộng Trụ sở UBND xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,45					0,45
48	Trụ sở làm việc UBND Xã Yên Lãng (Nhà làm việc và nhà văn hóa)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	1,08	1,01				0,07
49	Trụ sở UBND xã Bản Ngoại (để giao đất)	Xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ	0,09					0,09
50	Mở rộng Trung tâm hành chính UBND huyện Đại Từ (để giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1,50					1,50
51	Mở rộng Trụ sở Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Đại Từ (để giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,21					0,21
52	Trụ sở làm việc chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,40	0,38				0,02
53	Trụ sở UBND thị trấn Hùng Sơn (để giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,18					0,18
54	Mở rộng Trụ sở UBND xã Phú Xuyên (Trụ sở xã Na Mao cũ) (để giao đất)	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,59					0,59
55	Mở rộng Trụ sở UBND xã La Bằng	Xã La Bằng, huyện Đại Từ	0,21	0,20				0,01
56	Trụ sở UBND xã Hà Thượng	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ	0,11					0,11
57	Thao trường huấn luyện (thao trường bản)	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	1,04					1,04
58	Mở rộng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,15	0,06				0,09
59	Trụ sở Công an xã Mỹ Yên	Xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	0,12	0,11				0,01
60	Trụ sở Công an xã Văn Yên	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,11					0,11
61	Trụ sở Công an xã Bản Ngoại	Xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ	0,21	0,21				
62	Trụ sở công an xã Đức Lương	Xã Đức Lương, huyện Đại Từ	0,14					0,14
63	Mở rộng trụ sở công an huyện	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,44	0,06				0,38
64	Trụ sở Công an xã xã La Bằng	Xã La Bằng, huyện Đại Từ	0,16	0,16				
65	Trụ sở Công an xã An Khánh	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	0,13					0,13
66	Nhà văn hóa xóm Trung Tâm, Minh Hòa (để giao đất)	Xã Minh Tiến, huyện Đại Từ	0,22					0,22

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
67	Nhà văn hóa xóm Na Hoàn, Lũng 2	Xã Phú Lạc, huyện Đại Từ	0,08	0,04				0,04
68	Nhà văn hóa xóm Đạn 3, xóm Cạn	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,29	0,29				
69	Nhà văn hóa xóm Tiên Phong	Xã Đức Lương, huyện Đại Từ	0,16	0,16				
70	Nhà văn hóa Tổ dân phố Chợ 1 (để giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,07					0,07
71	Nhà văn hóa Tổ dân phố Sơn Tập 2 (để giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,07					0,07
72	Nhà văn hóa xóm Đồng Kim	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	0,06	0,02				0,04
73	Nhà văn hóa các xóm (để giao đất)	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,16					0,16
74	Nhà văn hóa xóm La Nạc	Xã La Bằng, huyện Đại Từ	0,32					0,32
75	Trạm y tế xã Cát Nê (để giao đất)	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ	0,17					0,17
76	Trạm y tế xã Hà Thượng (để giao đất)	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ	0,14					0,14
77	Trạm y tế xã Vạn Thọ (cũ) (để giao đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,15					0,15
78	Trạm y tế thị trấn Quân Chu (để giao đất)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,14					0,14
79	Trạm y tế xã Hoàng Nông (để giao đất)	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,13					0,13
80	Trạm y tế xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,15					0,15
81	Trạm y tế xã Tiên Hội (để giao đất)	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,12					0,12
82	Trạm y tế xã Phú Xuyên (Trạm y tế xã Na Mao cũ) (để giao đất)	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,04					0,04
83	Trạm y tế xã Phú Thịnh (để giao đất)	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	0,20					0,20
84	Trường Tiểu học Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,13	0,11				0,02
85	Trường mầm non xã Vạn Phú (Trường Mầm non xã Ký Phú cũ) (để giao đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,50					0,50
86	Trường mầm non Sơn Ca (để giao đất)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,18					0,18
87	Trường mầm non Sơn Ca (để giao đất)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,36					0,36
88	Mở rộng Trường THCS xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,12					0,12
89	Trường Mầm non Khôi Kỳ (để giao đất)	Xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	0,26					0,26
90	Mở rộng Trường Tiểu học Bản Ngoại (để giao đất)	Xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ	0,13					0,13
91	Trường THCS xã Phú Xuyên (để giao đất)	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,14					0,14

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
92	Mở rộng Trường Tiểu học Kim Đồng	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,31	0,31				
93	Mở rộng Trường mầm non xã Phú Cường (Trường Mầm non xã Na Mao cũ) (để giao đất)	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,50					0,50
94	Mở rộng Trường Tiểu học Việt An	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,14	0,14				
95	Trường Mầm non Văn Yên (để giao đất)	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,75					0,75
96	Mở rộng Trường Tiểu học và THCS xã Vạn Phú (Mở rộng Trường Tiểu học và THCS xã Vạn Thọ cũ) (để giao đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,04					0,04
97	Sân thể thao xã Mỹ Yên	Xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	1,28	0,89				0,39
98	Sân thể dục thể thao xã (để giao đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	2,45					2,45
99	Sân thể thao xã Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	1,20	1,00				0,20
100	Khu thể thao sân gôn Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	15,59	0,20	3,56			11,83
101	Trung tâm văn hóa thể thao xã Khôi Kỳ (để giao đất)	Xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	1,62					1,62
102	Sân vận động trung tâm huyện	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	9,50	8,10				1,40
103	Khu thể thao xã Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	1,04					1,04
104	Sân thể thao xã Cù Vân	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	1,20	1,20				
105	Sân thể thao xã Phú Xuyên (sân thể thao xã Na Mao cũ)	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	1,31	1,10				0,21
106	Cụm công nghiệp Phú Lạc 2	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	12,01	2,43				9,58
107	Cụm công nghiệp Cát Nê - Kỳ Phú	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ	68,00	58,03				9,97
108	Cụm công nghiệp Quân Chu	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	50,00	1,96	8,74			39,30
109	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp (Trụ sở Phòng Tài chính-kế hoạch; Trụ sở UBND TT Đại Từ cũ) (đấu giá QSD đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,40					0,40
110	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp Đại Từ	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,59					0,59
111	Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ (Trịnh Văn Đại)	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,21	0,18				0,03
112	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Hoàng Văn Anh)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,86	0,22	0,64			
113	Trụ sở văn phòng giao dịch và bãi để xe, máy móc thiết bị thi công, vật liệu	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	2,03	2,00				0,03
114	Đất sản xuất kinh doanh (thuộc quy hoạch Trung tâm xã- đấu giá QSD đất)	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,32					0,32

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
115	Mở rộng bãi thải tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	1,72	1,19	0,15			0,38
116	Dự án Núi Pháo	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	6,62	0,59	3,48			2,55
117	Dự án Núi Pháo	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,66		0,08			0,58
118	Dự án Núi Pháo (xóm 6)	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ	4,95					4,95
119	Dự án Núi Pháo (Khu 2-Khu 5)	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ	13,75					13,75
120	Mỏ than Núi Hồng (BTGPMB tuyến 27-29a thấu kính II; Khu 1B; Nản suối thấu kính II; Chống sạt lở khu 4)	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,75		0,11			0,64
		Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	11,76	2,51	6,53			2,72
121	Mở rộng tuyến 19-23 - Thấu kính III Công ty than Núi Hồng (để giao đất)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	2,68		2,37			0,31
122	Bồi thường GPMB Khu 1A thấu kính I - Công ty than Núi Hồng	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	4,79	2,97	1,42			0,40
123	Bồi thường giải phóng mặt bằng mở rộng khu 2 và khối thấp thấu kính III	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	0,08		0,08			
124	Mỏ đất san lấp tại thị trấn Quân Chu (khu 2)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	20,96	0,27	18,95			1,74
125	Mỏ đất san lấp tại xã Yên Lãng (khu 1 + 2)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	19,13		8,91			10,22
126	Mỏ đất san lấp tại xã Cù Vân (khu 1 + 2)	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	6,24	0,07	5,69			0,48
127	Khai thác cát sỏi khu vực suối Kèn	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	9,01					9,01
		Xã Lục Ba, huyện Đại Từ	0,47					0,47
128	Mỏ đá cát kết	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	11,85		10,30			1,55
129	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 37 với đường ĐT.270 (đoạn từ đường Cù Vân – An Khánh đến Hồ Cây Vi thuộc xã Tân Thái, huyện Đại Từ)	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	10,95	2,80	2,00	4,00		2,15
		Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	3,70	0,10	2,70	0,90		
130	Đường Nam Sông Công kéo dài (đoạn từ ngầm suối Mang đến Công ty cổ phần may TNG)	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,11	0,05				0,06
131	Đường giao thông từ ĐT270 (Đoạn từ di tích lịch sử trường dạy làm báo Huỳnh Thúc Kháng) đến đường giao thông nông thôn xóm Dốc Đỏ xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	5,34	0,49	1,33			3,52
132	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,17		0,17			

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
133	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	0,30	0,30				
134	Mở rộng khuôn viên khu di tích nơi ra đời Đội Thanh niên Việt Nam	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	0,60		0,26			0,34
135	Khu xử lý rác thải số 1 huyện Đại Từ	Xã Bình Thuận, xã Lục Ba, huyện Đại Từ	6,20	0,05	3,30			2,85
136	Cải tạo đường dây 110kV Thái Nguyên - Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,86	0,04	0,62			0,20
		Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,14	0,14				
137	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,03	0,0004				0,026
138	Cải tạo, nâng cấp đường dây 35kV lộ 377 E6.19 (từ cột số 05 đến cột số 72) liên thông mạch vòng với 376 E6.3	Xã Lục Ba, Tiên Hội, Bình Thuận, Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,04	0,03				0,02
139	Cải tạo, nâng cấp đường dây 35kV lộ 377 E6.19 (từ cột số 152 đến cột số 232) liên thông mạch vòng với 376 E6.3	Xã Vạn Phú, Cát Nê, thị trấn Quân Chu	0,08	0,04	0,01			0,03
140	Cải tạo, nâng cấp đường dây 35kV lộ 377 E6.19 (từ cột số 72 đến cột số 152) liên thông mạch vòng với 376 E6.3	Xã Lục Ba, Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,037	0,018	0,001			0,018
141	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của các đường dây 475 E6.19, 477 E6.19 và 472 TBA 110kV Định Hóa theo phương án đa chia đa nối năm 2024	Xã Phú Xuyên, Phú Thịnh, huyện Đại Từ	0,02	0,01				0,01
142	Di chuyển cơ sở hạ tầng trạm viễn thông UBND xã An Khánh	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	0,01					0,01
143	Chùa Làng Ngò	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	0,35		0,20			0,15
144	Mở rộng giáo họ Tân Cường 3	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,13					0,13
145	Mở rộng giáo họ Tân Cường 1	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,07					0,07
146	Mở rộng giáo họ Tân Cường 5	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,03					0,03
147	Chùa Đài	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,62		0,62			
148	Mở rộng Chùa Sơn Dược	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ	0,23					0,23
149	Nghĩa trang Tiên Đốc	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	2,95	0,48	1,72			0,75



Phụ lục VI

**Danh mục 39 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025
của huyện Đại Từ**

(Kèm theo Quyết định số 8446 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		21,26	3,85	5,50			11,91
1	Giao đất ở tại Tổ dân phố Cầu Thông 2	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,02					0,02
2	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xóm Bắc Hà 1	Xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	0,03					0,03
3	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xóm Trung Na	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,01					0,01
4	Trụ sở UBND xã An Khánh (để giao đất)	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	0,01					0,01
5	Mở rộng khuôn viên Trụ sở và xây dựng nhà làm việc xã Tân Thái (Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05					0,05
6	Trụ sở UBND xã Tiên Hội (để giao đất)	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,19					0,19
7	Trụ sở Chi cục thống kê huyện Đại Từ (để giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	0,07					0,07
8	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thái (để giao đất)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,15					0,15
9	Trụ sở làm việc Công an xã Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,12					0,12
10	Trung tâm Văn hóa các dân tộc huyện Đại Từ (để giao đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	1,22					1,22
11	Nhà văn hoá xóm Đá Thần, Hàng (để giao đất)	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	0,07					0,07
12	Nhà văn hóa các xóm Đầm Pháng, Đồng Khâm, Đồng Cháy, Cao Chùa, La Giai (để giao đất)	Xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ	0,40					0,40
13	Nhà văn hóa xóm Đồng Gốc (để giao đất)	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ	0,03					0,03
14	Nhà văn hóa xóm Gió (để giao đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,25					0,25
15	Nhà văn hóa xóm 5, 9 (để giao đất)	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	0,17					0,17
16	Nhà văn hóa xóm 5, 12 (để giao đất)	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	0,20					0,20
17	Nhà văn hóa xóm Ao Mật, Đầm Cầu, La Luong (để giao đất)	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,24					0,24
18	Nhà văn hóa xóm Tân Lập, Thái Sơn (để giao đất)	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,27					0,27
19	Nhà văn hóa xóm Yên Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	0,05	0,05				

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
20	Nhà văn hóa các xóm Đèo Khế, Giữa, Đầm Làng, Cầu Trà (đề giao đất)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	0,26					0,26
21	Nhà văn hóa xóm La Dạ, Khâu Giáo 1 (đề giao đất)	Xã Bán Ngoại, huyện Đại Từ	0,08					0,08
22	Nhà văn hóa xóm Gò, Tiên Hội (đề giao đất)	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,14					0,14
23	Trạm y tế xã Văn Yên	Xã Văn Yên, huyện Đại Từ	0,13					0,13
24	Trạm y tế xã Bán Ngoại (đề giao đất)	Xã Bán Ngoại, huyện Đại Từ	0,29					0,29
25	Mở rộng, cải tạo khuôn viên xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường Tiểu học Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,82	0,67				0,15
26	Trường Tiểu học xã Tiên Hội (đề giao đất)	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,20					0,20
27	Mở rộng Trường THCS xã Phú Xuyên (đề giao đất)	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,02					0,02
28	Mở rộng Trường Mầm non xã Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,05	0,05				
29	Mở rộng Trường Tiểu học thị trấn Quân Chu (đề giao đất)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,12					0,12
30	Mở rộng Trường Mầm non thị trấn Quân Chu (đề giao đất)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,28					0,28
31	Sân thể thao (giao đất)	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	1,41					1,41
32	Mỏ sắt Ký Phú	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	4,73	2,95				1,78
33	Mở rộng bãi thải Tây Công ty than Khánh Hòa	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	2,28	0,13				2,16
34	Mở rộng Mỏ than Núi Hồng	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	5,50		5,50			
35	Chùa Phú Cường	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,46					0,46
36	Giáo họ Tân Linh	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ	0,192					0,192
37	Nhà thờ giáo họ Yên Sơn	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,19					0,19
38	Mở rộng Chùa Bình Định	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,50					0,50
39	Chùa Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	0,05					0,05

Phụ lục VII

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 05 công trình, dự án trên địa bàn huyện Đại Từ

(Kèm theo Quyết định số: ~~3476~~ /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Quyết định của UBND tỉnh đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau							
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I															
Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 30/12/2023															
1	Mở rộng giáo họ Tân Cường 3	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,04				0,04	1	Mở rộng giáo họ Tân Cường 3	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	0,13				0,13
2	Trường Tiểu học Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,11	0,11				2	Trường Tiểu học Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,13	0,11			0,02
3	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,58	0,34			0,24	3	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trịnh Văn Đại)	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	0,21	0,18			0,03
II															
Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 31/7/2024															
4	Khu dân cư đô thị mới Đồng Khốc (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	4,82				4,82	4	Khu dân cư đô thị mới Đồng Khốc (để đấu giá quyền sử dụng đất)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	4,50				4,50
5	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Hoàng Văn Anh, Lê Thị Nhung)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,66	0,15			0,51	5	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Hoàng Văn Anh, Lê Thị Nhung)	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	0,86	0,22			0,64

Phụ lục VIII

Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất 24 công trình, dự án trên địa bàn huyện Đại Từ do đã quá 02 năm chưa thực hiện

(Kèm theo Quyết định số 8416 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMĐ tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
	Tổng		43,39	26,90		59,13
1	Chuyển mục đích sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân	Các xã, thị trấn, huyện Đại Từ	2,55			2,55
2	Chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm của các hộ gia đình, cá nhân	Các xã, thị trấn, huyện Đại Từ	8,13			8,13
3	Chuyển mục đích sang đất trồng cây hàng năm khác của các hộ gia đình, cá nhân	Các xã, thị trấn, huyện Đại Từ	0,20			0,20
4	Chuyển mục đích sang đất nuôi trồng thủy sản của các hộ gia đình, cá nhân	Các xã, thị trấn, huyện Đại Từ	0,18			0,18
5	Chuyển mục đích sang đất rừng sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân	Các xã, thị trấn, huyện Đại Từ	0,10			0,10
6	Cửa hàng xăng dầu Thuận Phát	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	2,42			2,42
7	Cửa hàng kinh doanh xăng, dầu, khí hóa lỏng và chăm sóc bảo dưỡng xe cơ giới	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,56			0,56
8	Nhà máy bê tông và gạch ngói Việt Cường	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	0,82			0,82
9	Nghĩa trang Sơn Đô	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	5,50			5,50
10	Mở rộng nhà máy nhiệt điện (thuộc cụm công nghiệp An Khánh)	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	1,57			1,57
11	Nhà văn hóa xóm Kèo Hái, Na Kham, Đình Cỗ, Suối Chùn	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	0,20			0,20
12	Nhà máy tinh luyện kim loại màu Núi Pháo	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ	3,87			3,87
		Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	16,13			16,13

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
13	Mỏ sắt Cù Vân	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	1,16			1,16
14	Điểm dân cư nông thôn số 1	Xã Đức Lương, huyện Đại Từ		4,15		4,15
15	Nhà văn hóa Suối Chùn	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ		0,11		0,11
16	Đồn Công an Khu du lịch Hồ Núi Cốc	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ		0,50		0,50
17	Trụ sở công an xã Na Mao	Xã Na Mao, huyện Đại Từ		0,13		0,13
18	Nhà văn hóa xóm Đồng Đăng, Suối Cái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ		0,09		0,09
19	Nghĩa trang tập trung xã Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ		7,20		7,20
20	Đường vào Trụ sở UBND xã Phú Xuyên (thuộc quy hoạch Trung tâm xã Phú Xuyên)	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ		0,09		0,09
21	Bồi thường GPMB tuyến 28 đến tuyến 29A, thấu kính II - Công ty than Núi Hồng	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ		0,47		0,47
22	Đường Nguyễn Huệ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ		10,00		10,00
23	Khu sản xuất nấm tập trung	Xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ		0,24		0,24
24	Khu dịch vụ thương mại Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ		3,92		3,92